

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Huỳnh Anh	12A1.01	120101	9.3	30	28	1	0	1
2	Văn Thái Bình	12A1.02	120102	9.7	30	29	1	0	0
3	Kha Thị Thùy Duyên	12A1.03	120103	10.0	30	30	0	0	0
4	Trần Thị Thùy Dương	12A1.05	120105	9.7	30	29	1	0	0
5	Mai Lê Hồng Đào	12A1.06	120106	10.0	30	30	0	0	0
6	Trần Nguyễn Thanh Đạt	12A1.07	120107	10.0	30	30	0	0	0
7	Đoàn Phạm Ngọc Hân	12A1.08	120108	9.7	30	29	1	0	0
8	Lê Ngọc Thúy Hiền	12A1.09	120109	10.0	30	30	0	0	0
9	Phan Minh Hoàng	12A1.10	120110	10.0	30	30	0	0	0
10	Đoàn Nhựt Huy	12A1.11	120111	10.0	30	30	0	0	0
11	Phan Nhật Hưng	12A1.12	120112	9.3	30	28	1	0	1
12	Lê Tuấn Khanh	12A1.13	120113	10.0	30	30	0	0	0
13	Nguyễn Đăng Khoa	12A1.14	120114	9.7	30	29	0	0	1
14	Phan Thị Thanh Kiều	12A1.15	120115	10.0	30	30	0	0	0
15	Trần Hoàng Gia Lạc	12A1.16	120116	9.7	30	29	1	0	0
16	Phạm Thị Tuyết Lan	12A1.17	120117	10.0	30	30	0	0	0
17	Hồ Lê Bảo Long	12A1.18	120118	9.7	30	29	1	0	0
18	Nguyễn Lê Trúc My	12A1.19	120119	9.0	30	27	3	0	0
19	Lê Võ Thanh Ngân	12A1.20	120120	10.0	30	30	0	0	0
20	Phạm Nguyễn Trọng Nghĩa	12A1.21	120121	6.7	30	20	10	0	0
21	Nguyễn Thành Nhân	12A1.22	120122	10.0	30	30	0	0	0
22	Hoàng Mỹ Nhi	12A1.23	120123	10.0	30	30	0	0	0
23	Đào Huỳnh Văn Nhi	12A1.24	120124	10.0	30	30	0	0	0
24	Võ Thị Hồng Nhung	12A1.25	120125	9.7	30	29	1	0	0
25	Lê Thanh Phong	12A1.26	120126	9.3	30	28	2	0	0
26	Trần Huỳnh Hữu Phúc	12A1.27	120127	10.0	30	30	0	0	0
27	Vương Huỳnh Ngọc Quý	12A1.28	120128	10.0	30	30	0	0	0
28	Võ Ngọc Tú Quyên	12A1.29	120129	9.0	30	27	3	0	0
29	Đoàn Ngọc Thanh	12A1.30	120130	8.7	30	26	4	0	0
30	Lại Minh Thông	12A1.31	120131	9.7	30	29	1	0	0
31	Lê Thị Hồng Thủy	12A1.32	120132	10.0	30	30	0	0	0
32	Hàn Ngọc Minh Thư	12A1.33	120133	9.3	30	28	1	0	1
33	Lưu Sĩ Tính	12A1.34	120134	10.0	30	30	0	0	0
34	Lê Ngọc Quế Trân	12A1.35	120135	10.0	30	30	0	0	0
35	Trần Trang Tuyết Trinh	12A1.36	120136	10.0	30	30	0	0	0
36	Nguyễn Thị Thu Trúc	12A1.37	120137	10.0	30	30	0	0	0
37	Lê Minh Trung	12A1.38	120138	10.0	30	30	0	0	0
38	Nguyễn Văn Tùng	12A1.39	120139	10.0	30	30	0	0	0
39	Nguyễn Quốc Vinh	12A1.40	120140	9.0	30	27	3	0	0
40	Lê Ngọc Lan Vy	12A1.41	120141	10.0	30	30	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Yến Vy	12A1.42	120142	9.7	30	29	1	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Đỗ Ngọc Thúy An	12A2.01	120201	9.3	30	28	2	0	0
2	Nguyễn Thị Vân Anh	12A2.02	120202	10.0	30	30	0	0	0
3	Nguyễn Văn Quốc Chánh	12A2.03	120203	9.7	30	29	1	0	0
4	Nguyễn Thùy Dương	12A2.04	120204	10.0	30	30	0	0	0
5	Sử Võ Thành Đạt	12A2.05	120205	10.0	30	30	0	0	0
6	Nguyễn Ngọc Bảo Đăng	12A2.06	120206	9.0	30	27	3	0	0
7	Trần Minh Đăng	12A2.07	120207	9.7	30	29	1	0	0
8	Võ Tô Ngọc Hân	12A2.08	120208	10.0	30	30	0	0	0
9	Nguyễn Trung Hiếu	12A2.09	120209	10.0	30	30	0	0	0
10	Nguyễn Huy Hoàng	12A2.10	120210	10.0	30	30	0	0	0
11	Đỗ Tiến Hùng	12A2.11	120211	10.0	30	30	0	0	0
12	Huỳnh Nhật Huy	12A2.12	120212	10.0	30	30	0	0	0
13	Phạm Gia Hưng	12A2.13	120213	9.3	30	28	2	0	0
14	Nguyễn Lê Thiên Kim	12A2.14	120214	10.0	30	30	0	0	0
15	Đặng Thế Linh	12A2.15	120215	10.0	30	30	0	0	0
16	Nguyễn Bảo Ngân	12A2.16	120216	10.0	30	30	0	0	0
17	Nguyễn Kim Bảo Ngọc	12A2.17	120217	10.0	30	30	0	0	0
18	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	12A2.18	120218	10.0	30	30	0	0	0
19	Nguyễn Thiện Nhân	12A2.19	120219	10.0	30	30	0	0	0
20	Bùi Thị Yến Nhi	12A2.20	120220	9.7	30	29	1	0	0
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12A2.21	120221	10.0	30	30	0	0	0
22	Ngô Thanh Phong	12A2.22	120222	9.0	30	27	3	0	0
23	Trang Mỹ Phụng	12A2.23	120223	9.3	30	28	2	0	0
24	Trương Minh Quan	12A2.24	120224	10.0	30	30	0	0	0
25	Lê Trần Kiến Quốc	12A2.25	120225	10.0	30	30	0	0	0
26	Nguyễn Thanh Sang	12A2.26	120226	10.0	30	30	0	0	0
27	Trần Quốc Thái	12A2.27	120227	10.0	30	30	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Kim Thảo	12A2.28	120228	10.0	30	30	0	0	0
29	Huỳnh Quốc Thắng	12A2.29	120229	9.7	30	29	1	0	0
30	Ngô Nguyễn Xuân Thịnh	12A2.30	120230	10.0	30	30	0	0	0
31	Hoàng Xuân Thông	12A2.31	120231	10.0	30	30	0	0	0
32	Nguyễn Thị Minh Thư	12A2.32	120232	9.7	30	29	1	0	0
33	Nguyễn Cẩm Tiên	12A2.33	120233	9.7	30	29	1	0	0
34	Nguyễn Bảo Toàn	12A2.34	120234	9.7	30	29	1	0	0
35	Trần Nguyễn Phương Trang	12A2.35	120235	9.7	30	29	1	0	0
36	Lê Thị Ngọc Trâm	12A2.36	120236	9.7	30	29	1	0	0
37	Trương Thị Ngọc Trinh	12A2.37	120237	10.0	30	30	0	0	0
38	Võ Hoàng Đức Trọng	12A2.38	120238	9.3	30	28	2	0	0
39	Nguyễn Quốc Trung	12A2.39	120239	10.0	30	30	0	0	0
40	Lê Phương Tùng	12A2.40	120240	10.0	30	30	0	0	0
41	Phạm Thành Vinh	12A2.41	120241	10.0	30	30	0	0	0
42	Nguyễn Cao Mỹ Vy	12A2.42	120242	10.0	30	30	0	0	0
43	Phan Ngọc Như Ý	12A2.43	120243	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Hoàng Anh	12A3.01	120301	10.0	30	30	0	0	0
2	Nguyễn Thùy Vân Anh	12A3.02	120302	10.0	30	30	0	0	0
3	Trần Bảo Ân	12A3.03	120303	10.0	30	30	0	0	0
4	Lê Khắc Chiến	12A3.04	120304	10.0	30	30	0	0	0
5	Nguyễn Trần Thụy Du	12A3.05	120305	10.0	30	30	0	0	0
6	Trần Thụy Ngọc Dung	12A3.06	120306	10.0	30	30	0	0	0
7	Nguyễn Bảo Duy	12A3.07	120307	9.7	30	29	0	0	1
8	Nguyễn Ngọc Hà	12A3.08	120308	9.7	30	29	1	0	0
9	Lương Ngọc Hân	12A3.09	120309	9.7	30	29	1	0	0
10	Nguyễn Đình Hoàng	12A3.10	120310	10.0	30	30	0	0	0
11	Cao Công Huy	12A3.11	120311	9.3	30	28	2	0	0
12	Hồ Phú Hưng	12A3.12	120312	10.0	30	30	0	0	0
13	Lê Huỳnh Hương	12A3.13	120313	10.0	30	30	0	0	0
14	Đinh Hoàng Minh Khang	12A3.14	120314	10.0	30	30	0	0	0
15	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	12A3.15	120315	8.0	30	24	6	0	0
16	Phạm Gia Linh	12A3.16	120316	10.0	30	30	0	0	0
17	Lương Thế Long	12A3.17	120317	9.3	30	28	2	0	0
18	Lưu Ngọc Mai	12A3.18	120318	10.0	30	30	0	0	0
19	Vũ Lê Anh Minh	12A3.19	120319	9.7	30	29	1	0	0
20	Võ Linh Nam	12A3.20	120320	10.0	30	30	0	0	0
21	Nguyễn Bùi Thanh Ngân	12A3.21	120321	9.7	30	29	1	0	0
22	Trang Thanh Ngân	12A3.22	120322	10.0	30	30	0	0	0
23	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	12A3.23	120323	10.0	30	30	0	0	0
24	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	12A3.24	120324	10.0	30	30	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhi	12A3.25	120325	10.0	30	30	0	0	0
26	Lê Hoàng Như	12A3.26	120326	10.0	30	30	0	0	0
27	Lê Thị Kim Oanh	12A3.27	120327	10.0	30	30	0	0	0
28	Nguyễn Duy Quang	12A3.28	120328	10.0	30	30	0	0	0
29	Tôn Nữ Thúy Quỳnh	12A3.29	120329	10.0	30	30	0	0	0
30	Đặng Minh Sang	12A3.30	120330	10.0	30	30	0	0	0
31	Trương Minh Tâm	12A3.31	120331	10.0	30	30	0	0	0
32	Lê Võ Thanh Thảo	12A3.32	120332	10.0	30	30	0	0	0
33	Đồng Thị Hồng Thắm	12A3.33	120333	10.0	30	30	0	0	0
34	Đoàn Thị Mai Thi	12A3.34	120334	10.0	30	30	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Hồng Thụy	12A3.35	120335	10.0	30	30	0	0	0
36	Ngô Thị Anh Thư	12A3.36	120336	10.0	30	30	0	0	0
37	Nguyễn Đoàn Minh Thư	12A3.37	120337	10.0	30	30	0	0	0
38	Lại Minh Tiến	12A3.38	120338	10.0	30	30	0	0	0
39	Trần Huỳnh Thái Toàn	12A3.39	120339	10.0	30	30	0	0	0
40	Huỳnh Ngọc Trâm	12A3.40	120340	9.3	30	28	2	0	0
41	Nguyễn Quách Ngọc Trâm	12A3.41	120341	10.0	30	30	0	0	0
42	Hứa Thị Ngọc Trân	12A3.42	120342	10.0	30	30	0	0	0
43	Nguyễn Bảo Thụy Vi	12A3.43	120343	10.0	30	30	0	0	0
44	Nguyễn Quốc Việt	12A3.44	120344	10.0	30	30	0	0	0
45	Đào Nguyễn Tường Vy	12A3.45	120345	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Võ Thị Hồng Ánh	12A4.01	120401	10.0	30	30	0	0	0
2	Võ Quốc Bửu	12A4.02	120402	10.0	30	30	0	0	0
3	Trương Thanh Duy	12A4.03	120403	10.0	30	30	0	0	0
4	Nguyễn Trường Duy	12A4.04	120404	10.0	30	30	0	0	0
5	Nguyễn Minh Đức	12A4.05	120405	10.0	30	30	0	0	0
6	Huỳnh Gia Hân	12A4.06	120406	10.0	30	30	0	0	0
7	Phạm Đỗ Minh Huân	12A4.07	120407	10.0	30	30	0	0	0
8	Đoàn Hoàng Huy	12A4.08	120408	9.7	30	29	1	0	0
9	Nguyễn Võ Xuân Huỳnh	12A4.09	120409	10.0	30	30	0	0	0
10	Phạm Thị Diễm Hương	12A4.10	120410	9.7	30	29	1	0	0
11	Nguyễn Thị Thanh Hương	12A4.11	120411	10.0	30	30	0	0	0
12	Nguyễn Duy Khang	12A4.12	120412	10.0	30	30	0	0	0
13	Võ Nguyễn Minh Kiệt	12A4.13	120413	10.0	30	30	0	0	0
14	Nguyễn Hoàng Lâm	12A4.14	120414	10.0	30	30	0	0	0
15	Trần Huệ Mẫn	12A4.15	120415	10.0	30	30	0	0	0
16	Lưu Thị Bảo Ngọc	12A4.16	120416	9.7	30	29	1	0	0
17	Nguyễn Thị Ái Nhi	12A4.17	120417	9.7	30	29	1	0	0
18	Đặng Thị Minh Như	12A4.18	120418	10.0	30	30	0	0	0
19	Nguyễn Anh Quốc	12A4.20	120420	10.0	30	30	0	0	0
20	Đoàn Trần Ngọc Quyên	12A4.21	120421	10.0	30	30	0	0	0
21	Huỳnh Ngọc Phương Quyên	12A4.22	120422	10.0	30	30	0	0	0
22	Hồ Kim Sen	12A4.23	120423	10.0	30	30	0	0	0
23	Nguyễn Hoài Phương Thảo	12A4.24	120424	10.0	30	30	0	0	0
24	Ngô Thị Hồng Thắm	12A4.25	120425	10.0	30	30	0	0	0
25	Nguyễn Minh Thiện	12A4.26	120426	10.0	30	30	0	0	0
26	Tô Thị Anh Thư	12A4.27	120427	9.7	30	29	1	0	0
27	Trần Mỹ Tiên	12A4.28	120428	10.0	30	30	0	0	0
28	Trần Ngọc Toại	12A4.29	120429	9.7	30	29	1	0	0
29	Trần Thị Thanh Trà	12A4.30	120430	10.0	30	30	0	0	0
30	Huỳnh Lê Ngọc Trâm	12A4.31	120431	10.0	30	30	0	0	0
31	Phạm Ngọc Trâm	12A4.32	120432	10.0	30	30	0	0	0
32	Trần Mỹ Trân	12A4.33	120433	10.0	30	30	0	0	0
33	Nguyễn Minh Triết	12A4.34	120434	10.0	30	30	0	0	0
34	Ngô Thanh Trúc	12A4.35	120435	10.0	30	30	0	0	0
35	Võ Minh Trường	12A4.36	120436	10.0	30	30	0	0	0
36	Huỳnh Thảo Uyên	12A4.37	120437	10.0	30	30	0	0	0
37	Lê Thị Thùy Vân	12A4.38	120438	10.0	30	30	0	0	0
38	Võ Ngọc Tường Vi	12A4.39	120439	10.0	30	30	0	0	0
39	Phạm Thảo Vy	12A4.40	120440	10.0	30	30	0	0	0
40	Hồ Thị Tường Vy	12A4.41	120441	10.0	30	30	0	0	0
41	Phan Ngọc Bảo Yến	12A4.42	120442	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Bùi Thị Khương An	12A5.01	120501	10.0	30	30	0	0	0
2	Đoàn Mai Anh	12A5.02	120502	10.0	30	30	0	0	0
3	Ngô Thị Ngọc Ánh	12A5.03	120503	10.0	30	30	0	0	0
4	Phạm Hoàng Mỹ Duyên	12A5.04	120504	10.0	30	30	0	0	0
5	Đoàn Minh Đức	12A5.05	120505	10.0	30	30	0	0	0
6	Phạm Lê Gia Hân	12A5.06	120506	10.0	30	30	0	0	0
7	Lê Gia Huy	12A5.07	120507	10.0	30	30	0	0	0
8	Nguyễn Hoàng Huy	12A5.08	120508	10.0	30	30	0	0	0
9	Nguyễn Thị Diễm Hương	12A5.09	120509	10.0	30	30	0	0	0
10	Đinh Công Khải	12A5.10	120510	10.0	30	30	0	0	0
11	Nguyễn Ngọc Loan	12A5.11	120511	10.0	30	30	0	0	0
12	Mai Thị Trúc Loan	12A5.12	120512	10.0	30	30	0	0	0
13	Trần Huỳnh Đức Luân	12A5.13	120513	10.0	30	30	0	0	0
14	Trần Thị Xuân Mai	12A5.14	120514	10.0	30	30	0	0	0
15	Lê Trương Hiếu Minh	12A5.15	120515	10.0	30	30	0	0	0
16	Trương Nguyễn Trà My	12A5.16	120516	10.0	30	30	0	0	0
17	Võ Hoàng Nam	12A5.17	120517	10.0	30	30	0	0	0
18	Võ Thị Bích Ngọc	12A5.18	120518	10.0	30	30	0	0	0
19	Tăng Ngọc Thảo Nhi	12A5.19	120519	10.0	30	30	0	0	0
20	Hồ Thị Huỳnh Như	12A5.20	120520	10.0	30	30	0	0	0
21	Nguyễn Phong Phú	12A5.21	120521	10.0	30	30	0	0	0
22	Trần Mai Phương	12A5.22	120522	10.0	30	30	0	0	0
23	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12A5.23	120523	10.0	30	30	0	0	0
24	Trần Phát Tài	12A5.24	120524	10.0	30	30	0	0	0
25	Phạm Huỳnh Thanh Tâm	12A5.25	120525	10.0	30	30	0	0	0
26	Trần Xuân Thanh Tâm	12A5.26	120526	10.0	30	30	0	0	0
27	Phạm Như Thảo	12A5.27	120527	10.0	30	30	0	0	0
28	Lương Nguyễn Quốc Thịnh	12A5.28	120528	10.0	30	30	0	0	0
29	Trần Lê Thanh Thúy	12A5.29	120529	10.0	30	30	0	0	0
30	Nguyễn Hồng Anh Thư	12A5.30	120530	10.0	30	30	0	0	0
31	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12A5.31	120531	10.0	30	30	0	0	0
32	Phan Ngọc Mỹ Tiên	12A5.32	120532	10.0	30	30	0	0	0
33	Ngô Thanh Tiên	12A5.33	120533	10.0	30	30	0	0	0
34	Nguyễn Thanh Toàn	12A5.34	120534	10.0	30	30	0	0	0
35	Huỳnh Thị Kiều Trang	12A5.35	120535	10.0	30	30	0	0	0
36	Nguyễn Thị Bích Trâm	12A5.36	120536	10.0	30	30	0	0	0
37	Văn Ngọc Bảo Trân	12A5.37	120537	9.7	30	29	1	0	0
38	Trần Thị Ngọc Trinh	12A5.38	120538	10.0	30	30	0	0	0
39	Bùi Thị Phi Uyên	12A5.39	120539	10.0	30	30	0	0	0
40	Nguyễn Thiên Thái Việt	12A5.40	120540	10.0	30	30	0	0	0
41	Phạm Thị Ngọc Vy	12A5.41	120541	10.0	30	30	0	0	0
42	Nguyễn Bảo Phương Vy	12A5.42	120542	10.0	30	30	0	0	0
43	Cao Trần Thảo Vy	12A5.43	120543	10.0	30	30	0	0	0
44	Lê Dương Hoàng Yến	12A5.44	120544	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Trần Văn Phúc An	12A6.01	120601	9.0	30	27	2	0	1
2	Trần Phan Quốc Anh	12A6.02	120602	9.3	30	28	2	0	0
3	Lê Thị Quỳnh Anh	12A6.03	120603	10.0	30	30	0	0	0
4	Huỳnh Lại Thị Bảo Châu	12A6.04	120604	10.0	30	30	0	0	0
5	Lê Hồng Diễm	12A6.05	120605	9.3	30	28	2	0	0
6	Phạm Thảo Duyên	12A6.06	120606	10.0	30	30	0	0	0
7	Phan Thị Thanh Hằng	12A6.07	120607	9.7	30	29	1	0	0
8	Nguyễn Trung Hiếu	12A6.09	120609	8.3	30	25	5	0	0
9	Đặng Vĩnh Hưng	12A6.10	120610	10.0	30	30	0	0	0
10	Phạm Đình Khánh	12A6.11	120611	9.3	30	28	2	0	0
11	Ngô Minh Khôi	12A6.12	120612	10.0	30	30	0	0	0
12	Nguyễn Hoàng Kim	12A6.13	120613	9.7	30	29	1	0	0
13	Lê Nguyễn Quốc Kỳ	12A6.14	120614	10.0	30	30	0	0	0
14	Phạm Thị Hoài Linh	12A6.15	120615	9.7	30	29	1	0	0
15	Lại Ngọc Luân	12A6.16	120616	9.7	30	29	1	0	0
16	Lê Thị Trúc My	12A6.17	120617	10.0	30	30	0	0	0
17	Phạm Thị Tuyết Ngân	12A6.18	120618	9.3	30	28	2	0	0
18	Trương Văn Nghĩa	12A6.19	120619	10.0	30	30	0	0	0
19	Hồ Thị Kim Ngọc	12A6.20	120620	10.0	30	30	0	0	0
20	Nguyễn Thành Nhân	12A6.21	120621	10.0	30	30	0	0	0
21	Lê Ngọc Yến Nhi	12A6.22	120622	10.0	30	30	0	0	0
22	Nguyễn Lê Minh Phát	12A6.23	120623	9.0	30	27	3	0	0
23	Nguyễn Lê Minh Phú	12A6.24	120624	9.3	30	28	2	0	0
24	Lê Đình Quang Phước	12A6.25	120625	7.3	30	22	8	0	0
25	Trần Minh Quân	12A6.26	120626	9.7	30	29	1	0	0
26	Nguyễn Thanh Thảo	12A6.28	120628	10.0	30	30	0	0	0
27	Hà Gia Thắng	12A6.29	120629	9.7	30	29	1	0	0
28	Nguyễn Phạm Hoàng Thông	12A6.30	120630	10.0	30	30	0	0	0
29	Lê Nguyễn Minh Thư	12A6.31	120631	10.0	30	30	0	0	0
30	Trương Ngọc Thư	12A6.32	120632	10.0	30	30	0	0	0
31	Võ Trọng Tiến	12A6.33	120633	9.3	30	28	1	0	1
32	Phạm Huỳnh Yến Trang	12A6.34	120634	9.7	30	29	1	0	0
33	Đoàn Hoàng Huyền Trâm	12A6.35	120635	10.0	30	30	0	0	0
34	Trần Thị Bảo Trân	12A6.36	120636	10.0	30	30	0	0	0
35	Phạm Quang Trọng	12A6.37	120637	10.0	30	30	0	0	0
36	Nguyễn Minh Trung	12A6.38	120638	9.3	30	28	2	0	0
37	Huỳnh Thị Kim Tuyền	12A6.39	120639	10.0	30	30	0	0	0
38	Nguyễn Phúc Vinh	12A6.40	120640	10.0	30	30	0	0	0
39	Phạm Tú Vy	12A6.41	120641	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Đoàn Hồ Trường An	12A7.01	120701	9.7	30	29	1	0	0
2	Nguyễn Tiến Bằng	12A7.02	120702	10.0	30	30	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Minh Châu	12A7.03	120703	10.0	30	30	0	0	0
4	Nguyễn Ngọc Kiều Diễm	12A7.04	120704	10.0	30	30	0	0	0
5	Nguyễn Khánh Duy	12A7.05	120705	10.0	30	30	0	0	0
6	Trương Quốc Đạt	12A7.06	120706	10.0	30	30	0	0	0
7	Trịnh Gia Hân	12A7.07	120707	10.0	30	30	0	0	0
8	Hồng Quốc Hoàng	12A7.09	120709	10.0	30	30	0	0	0
9	Thái Vũ Nhật Huy	12A7.10	120710	10.0	30	30	0	0	0
10	Nguyễn Hoàng Kha	12A7.11	120711	9.7	30	29	0	0	1
11	Trần Minh Khang	12A7.12	120712	7.3	30	22	8	0	0
12	Trần Minh Khánh	12A7.13	120713	8.3	30	25	5	0	0
13	Nguyễn Tấn Khoa	12A7.14	120714	10.0	30	30	0	0	0
14	Đỗ Ngọc Minh Khuê	12A7.15	120715	9.0	30	27	3	0	0
15	Hà Thiên Kim	12A7.16	120716	10.0	30	30	0	0	0
16	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12A7.17	120717	10.0	30	30	0	0	0
17	Dương Võ Công Luận	12A7.18	120718	10.0	30	30	0	0	0
18	Trần Thục Mỹ	12A7.19	120719	10.0	30	30	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A7.20	120720	10.0	30	30	0	0	0
20	Trần Tuấn Nghĩa	12A7.21	120721	10.0	30	30	0	0	0
21	Trần Nguyễn Thành Nhân	12A7.22	120722	10.0	30	30	0	0	0
22	Nguyễn Thị Bích Nhi	12A7.23	120723	10.0	30	30	0	0	0
23	Trần Ngọc Yến Nhi	12A7.24	120724	8.7	30	26	4	0	0
24	Đoàn Hồng Phát	12A7.25	120725	10.0	30	30	0	0	0
25	Nguyễn Hoàng Phú	12A7.26	120726	9.7	30	29	1	0	0
26	Nguyễn Mạnh Quân	12A7.27	120727	10.0	30	30	0	0	0
27	Trương Ngọc Sơn	12A7.28	120728	9.3	30	28	2	0	0
28	Đoàn Quốc Thắng	12A7.29	120729	10.0	30	30	0	0	0
29	Nguyễn Thị Minh Thi	12A7.30	120730	9.7	30	29	0	0	1
30	Diệp Huỳnh Anh Thư	12A7.31	120731	10.0	30	30	0	0	0
31	Nguyễn Anh Thư	12A7.32	120732	9.7	30	29	1	0	0
32	Lương Trí Thức	12A7.33	120733	10.0	30	30	0	0	0
33	Võ Ngọc Thùy Trâm	12A7.34	120734	9.7	30	29	1	0	0
34	Huỳnh Nguyễn Đức Trí	12A7.35	120735	10.0	30	30	0	0	0
35	Nguyễn Thanh Trọng	12A7.36	120736	9.7	30	29	1	0	0
36	Dương Hoàng Thanh Trúc	12A7.37	120737	10.0	30	30	0	0	0
37	Bùi Tấn Trung	12A7.38	120738	10.0	30	30	0	0	0
38	Lê Nguyễn Trường Vũ	12A7.39	120739	9.7	30	29	0	0	1
39	Lương Hồng Vương	12A7.40	120740	10.0	30	30	0	0	0
40	Nguyễn Tường Vy	12A7.41	120741	9.0	30	27	3	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Bùi Minh An	12A8.01	120801	10.0	30	30	0	0	0
2	Phạm Hoàng Bảo	12A8.02	120802	10.0	30	30	0	0	0
3	Mai Diễm Châu	12A8.03	120803	10.0	30	30	0	0	0
4	Cao Ngọc Diệu	12A8.04	120804	10.0	30	30	0	0	0
5	Nguyễn Thanh Duy	12A8.05	120805	8.3	30	25	5	0	0
6	Trần Minh Đạt	12A8.06	120806	10.0	30	30	0	0	0
7	Trang Sĩ Anh Hào	12A8.07	120807	10.0	30	30	0	0	0
8	Mai Nguyễn Chi Hân	12A8.08	120808	9.0	30	27	3	0	0
9	Trần Thúy Hạnh Hoa	12A8.09	120809	7.0	30	21	9	0	0
10	Lê Trần Hoàng Huân	12A8.10	120810	9.7	30	29	1	0	0
11	Phạm Hồ Thiên Huệ	12A8.11	120811	10.0	30	30	0	0	0
12	Nguyễn Thị Như Huyền	12A8.12	120812	10.0	30	30	0	0	0
13	Hồ Thanh Huyền	12A8.13	120813	10.0	30	30	0	0	0
14	Lê Thị Ngọc Hương	12A8.14	120814	9.3	30	28	2	0	0
15	Nguyễn Sơn Khải	12A8.15	120815	9.7	30	29	1	0	0
16	Hồ Kim Khánh	12A8.16	120816	9.7	30	29	1	0	0
17	Nguyễn Thị Kim Khuyên	12A8.17	120817	9.3	30	28	2	0	0
18	Thái Phúc Lâm	12A8.18	120818	9.7	30	29	1	0	0
19	Lý Ngọc Linh	12A8.19	120819	10.0	30	30	0	0	0
20	Hồ Đào Xuân Mai	12A8.20	120820	10.0	30	30	0	0	0
21	Phạm Phan Hồng Mỹ	12A8.21	120821	9.7	30	29	1	0	0
22	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A8.22	120822	9.3	30	28	2	0	0
23	Trần Phước Nghĩa	12A8.23	120823	8.7	30	26	4	0	0
24	Nguyễn Trang Nhã	12A8.24	120824	9.3	30	28	2	0	0
25	Phan Võ Bảo Nhân	12A8.25	120825	10.0	30	30	0	0	0
26	Trần Thị Ánh Nhi	12A8.26	120826	10.0	30	30	0	0	0
27	Phan Tấn Phát	12A8.27	120827	10.0	30	30	0	0	0
28	Huỳnh Nguyễn Quang Phú	12A8.28	120828	7.3	30	22	7	0	1
29	Nguyễn Thị Ánh Phương	12A8.29	120829	10.0	30	30	0	0	0
30	Trịnh Minh Quân	12A8.30	120830	9.7	30	29	1	0	0
31	Phạm Huỳnh Gia Quyên	12A8.31	120831	9.0	30	27	3	0	0
32	Lê Mỹ Tâm	12A8.32	120832	9.7	30	29	1	0	0
33	Nguyễn Hoàng Thương	12A8.33	120833	8.7	30	26	4	0	0
34	Nguyễn Hồng Tín	12A8.34	120834	9.3	30	28	2	0	0
35	Lý Trần Quốc Trí	12A8.35	120835	10.0	30	30	0	0	0
36	Nguyễn Thanh Trúc	12A8.36	120836	9.7	30	29	1	0	0
37	Nguyễn Thiên Trường	12A8.37	120837	8.3	30	25	4	0	1
38	Nguyễn Mỹ Uyên	12A8.38	120838	4.7	30	14	16	0	0
39	Trần Thanh Vy	12A8.39	120839	9.7	30	29	1	0	0
40	Võ Dương Tường Vy	12A8.40	120840	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Lê Quốc Bảo	12A9.01	120901	9.3	30	28	2	0	0
2	Huỳnh Thị Kim Chi	12A9.02	120902	9.3	30	28	2	0	0
3	Nguyễn Minh Chiến	12A9.03	120903	9.7	30	29	1	0	0
4	Phạm Đức Duy	12A9.04	120904	9.7	30	29	1	0	0
5	Hồ Mẫn Đạt	12A9.05	120905	9.7	30	29	1	0	0
6	Trương Ngọc Bảo Hân	12A9.06	120906	10.0	30	30	0	0	0
7	Lại Phúc Hậu	12A9.07	120907	10.0	30	30	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hoa	12A9.08	120908	10.0	30	30	0	0	0
9	Trần Diễm Hương	12A9.09	120909	10.0	30	30	0	0	0
10	Lê Tuấn Khang	12A9.10	120910	9.3	30	28	2	0	0
11	Trần Gia Khánh	12A9.11	120911	8.7	30	26	4	0	0
12	Huỳnh Trung Kiên	12A9.12	120912	8.0	30	24	6	0	0
13	Võ Hoàng Long	12A9.14	120914	9.3	30	28	2	0	0
14	Nguyễn Nhật Minh	12A9.15	120915	9.0	30	27	2	0	1
15	Nguyễn Công Nam	12A9.16	120916	10.0	30	30	0	0	0
16	Trần Hoài Nam	12A9.17	120917	10.0	30	30	0	0	0
17	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A9.18	120918	10.0	30	30	0	0	0
18	Vũ Hồng Ngọc	12A9.19	120919	10.0	30	30	0	0	0
19	Trương Trần Minh Nguyệt	12A9.20	120920	10.0	30	30	0	0	0
20	Hồ Thị Lan Nhi	12A9.21	120921	10.0	30	30	0	0	0
21	Võ Ngọc Nhi	12A9.22	120922	10.0	30	30	0	0	0
22	Lê Thị Kim Như	12A9.23	120923	10.0	30	30	0	0	0
23	Bùi Minh Nhựt	12A9.24	120924	10.0	30	30	0	0	0
24	Nguyễn Tấn Phát	12A9.25	120925	9.3	30	28	2	0	0
25	Lê Phan Hoàng Phúc	12A9.26	120926	10.0	30	30	0	0	0
26	Đỗ Minh Quân	12A9.27	120927	10.0	30	30	0	0	0
27	Võ Ngọc Bảo Quý	12A9.28	120928	10.0	30	30	0	0	0
28	Võ Minh Tân	12A9.29	120929	10.0	30	30	0	0	0
29	Lê Thị Kiều Thanh	12A9.30	120930	10.0	30	30	0	0	0
30	Đoàn An Minh Thùy	12A9.31	120931	10.0	30	30	0	0	0
31	Trịnh Ngọc Bảo Trân	12A9.32	120932	9.7	30	29	0	0	1
32	Mai Minh Trí	12A9.33	120933	10.0	30	30	0	0	0
33	Lê Ngọc Phương Trinh	12A9.34	120934	10.0	30	30	0	0	0
34	Trần Phú Trọng	12A9.35	120935	10.0	30	30	0	0	0
35	Huỳnh Thụy Dương Trúc	12A9.36	120936	10.0	30	30	0	0	0
36	Huỳnh Minh Tuấn	12A9.37	120937	10.0	30	30	0	0	0
37	Hồ Nguyễn Thanh Vy	12A9.38	120938	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Phan Thị Kim Anh	12A10.01	121001	10.0	30	30	0	0	0
2	Trần Quang Bảo	12A10.02	121002	9.7	30	29	1	0	0
3	Nguyễn Thanh Bình	12A10.03	121003	9.3	30	28	2	0	0
4	Nguyễn Chí Cường	12A10.04	121004	10.0	30	30	0	0	0
5	Bùi Văn Dũng	12A10.05	121005	10.0	30	30	0	0	0
6	Trần Mỹ Duyên	12A10.06	121006	9.7	30	29	1	0	0
7	Trần Tấn Đạt	12A10.07	121007	9.7	30	29	1	0	0
8	Phạm Ngọc Hoài Hân	12A10.08	121008	10.0	30	30	0	0	0
9	Phạm Công Hậu	12A10.09	121009	10.0	30	30	0	0	0
10	Đinh Thị Cẩm Hương	12A10.10	121010	9.7	30	29	1	0	0
11	Trần Bảo Khanh	12A10.11	121011	10.0	30	30	0	0	0
12	Lê Chí Khanh	12A10.12	121012	9.7	30	29	0	0	1
13	Ngô Đăng Khoa	12A10.13	121013	10.0	30	30	0	0	0
14	Trương Gia Kiệt	12A10.14	121014	9.7	30	29	1	0	0
15	Nguyễn Phúc Lâm	12A10.15	121015	9.0	30	27	3	0	0
16	Nguyễn Phan Thanh Liêm	12A10.16	121016	10.0	30	30	0	0	0
17	Võ Huy Lợi	12A10.17	121017	10.0	30	30	0	0	0
18	Trần Tuấn Minh	12A10.18	121018	10.0	30	30	0	0	0
19	Tô Ngọc Ngân	12A10.19	121019	10.0	30	30	0	0	0
20	Huỳnh Kim Ngọc	12A10.20	121020	10.0	30	30	0	0	0
21	Lâm Ánh Nhung	12A10.21	121021	10.0	30	30	0	0	0
22	Lê Nguyễn Thành Phát	12A10.22	121022	10.0	30	30	0	0	0
23	Nguyễn Tấn Phúc	12A10.23	121023	10.0	30	30	0	0	0
24	Mai Thị Thu Phương	12A10.24	121024	10.0	30	30	0	0	0
25	Trần Thanh Tân	12A10.25	121025	10.0	30	30	0	0	0
26	Huỳnh Ngọc Băng Thanh	12A10.26	121026	10.0	30	30	0	0	0
27	Lê Đoàn Kim Thủy	12A10.27	121027	10.0	30	30	0	0	0
28	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	12A10.28	121028	10.0	30	30	0	0	0
29	Nguyễn Anh Thư	12A10.29	121029	10.0	30	30	0	0	0
30	Cao Thị Minh Thư	12A10.30	121030	9.3	30	28	2	0	0
31	Lê Minh Tính	12A10.31	121031	9.7	30	29	1	0	0
32	Đoàn Thị Bảo Trân	12A10.32	121032	9.7	30	29	1	0	0
33	Trần Hữu Trung	12A10.33	121033	10.0	30	30	0	0	0
34	Trần Quang Tuấn	12A10.34	121034	10.0	30	30	0	0	0
35	Kiều Thanh Văn	12A10.35	121035	10.0	30	30	0	0	0
36	Nguyễn Thị Cẩm Vân	12A10.36	121036	10.0	30	30	0	0	0
37	Lý Khánh Vy	12A10.37	121037	10.0	30	30	0	0	0
38	Ngô Thảo Vy	12A10.38	121038	9.7	30	29	1	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Phạm Thị Thúy An	12A11.01	121101	9.7	30	29	1	0	0
2	Nguyễn Văn An	12A11.02	121102	10.0	30	30	0	0	0
3	Huỳnh Ngọc Xuân An	12A11.03	121103	9.7	30	29	1	0	0
4	Nguyễn Ngọc Lan Anh	12A11.04	121104	10.0	30	30	0	0	0
5	Nguyễn Huỳnh Trâm Anh	12A11.05	121105	9.3	30	28	2	0	0
6	Huỳnh Thái Duy	12A11.06	121106	9.3	30	28	2	0	0
7	Võ Chí Điền	12A11.07	121107	9.7	30	29	1	0	0
8	Nguyễn Thị Trúc Giang	12A11.08	121108	9.7	30	29	1	0	0
9	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	12A11.09	121109	8.0	30	24	6	0	0
10	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	12A11.10	121110	10.0	30	30	0	0	0
11	Võ Trần Ngọc Hiếu	12A11.11	121111	9.7	30	29	1	0	0
12	Nguyễn Ngọc Khánh	12A11.12	121112	10.0	30	30	0	0	0
13	Nguyễn Tuấn Kiệt	12A11.13	121113	9.3	30	28	2	0	0
14	Đặng Hoàng Lâm	12A11.14	121114	9.7	30	29	1	0	0
15	Dương Thị Kim Loan	12A11.15	121115	9.7	30	29	1	0	0
16	Đoàn Minh Mẫn	12A11.16	121116	9.3	30	28	2	0	0
17	Nguyễn Phan Diễm My	12A11.17	121117	9.7	30	29	1	0	0
18	Nguyễn Thị Thu Ngân	12A11.18	121118	10.0	30	30	0	0	0
19	Hồ Thâm Nghi	12A11.19	121119	9.3	30	28	2	0	0
20	Nguyễn Khánh Nguyên	12A11.20	121120	9.7	30	29	1	0	0
21	Trần Ái Nhi	12A11.21	121121	9.0	30	27	2	0	1
22	Phạm Thị Phương Nhi	12A11.22	121122	10.0	30	30	0	0	0
23	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	12A11.23	121123	9.7	30	29	1	0	0
24	Thái Phong Niên	12A11.24	121124	10.0	30	30	0	0	0
25	Cao Thị Kim Oanh	12A11.25	121125	9.7	30	29	1	0	0
26	Lại Phước Phát	12A11.26	121126	10.0	30	30	0	0	0
27	Đặng Hoàng Phúc	12A11.27	121127	9.3	30	28	2	0	0
28	Huỳnh Ngọc Quý	12A11.28	121128	10.0	30	30	0	0	0
29	Bùi Thị Như Quỳnh	12A11.29	121129	10.0	30	30	0	0	0
30	Huỳnh Lê Anh Tài	12A11.30	121130	10.0	30	30	0	0	0
31	Huỳnh Thị Trang Thảo	12A11.31	121131	10.0	30	30	0	0	0
32	Phạm Nguyên Hữu Thịnh	12A11.32	121132	9.3	30	28	2	0	0
33	Trần Anh Thư	12A11.33	121133	10.0	30	30	0	0	0
34	Nguyễn Ngô Trọng Tín	12A11.34	121134	9.7	30	29	1	0	0
35	Phan Thành Tính	12A11.35	121135	10.0	30	30	0	0	0
36	Hà Thụy Đoan Trang	12A11.36	121136	9.7	30	29	1	0	0
37	Phan Tấn Tú	12A11.37	121137	9.3	30	28	2	0	0
38	Nguyễn Ngọc Như Uyên	12A11.38	121138	10.0	30	30	0	0	0
39	Nguyễn Minh Vương	12A11.39	121139	9.7	30	29	1	0	0
40	Lục Bích Vy	12A11.40	121140	9.3	30	28	2	0	0
41	Dương Hải Yến	12A11.41	121141	10.0	30	30	0	0	0
42	Tạ Khánh Hân	12A11.42	121142	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Trần Hoài Bảo	12A12.01	121201	8.3	30	25	5	0	0
2	Nguyễn Hoàng Quốc Cường	12A12.02	121202	9.7	30	29	1	0	0
3	Thạch Võ Thùy Dung	12A12.03	121203	9.3	30	28	2	0	0
4	Đoàn Quốc Duy	12A12.04	121204	9.3	30	28	2	0	0
5	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	12A12.05	121205	10.0	30	30	0	0	0
6	Phạm Thị Hồng Hạnh	12A12.06	121206	10.0	30	30	0	0	0
7	Nguyễn Ngọc Gia Hân	12A12.07	121207	9.0	30	27	3	0	0
8	Lê Thị Hồng Hoa	12A12.08	121208	9.7	30	29	1	0	0
9	Hồ Nguyễn Ngọc Huy	12A12.09	121209	9.3	30	28	1	0	1
10	Lý Hồng Hưng	12A12.10	121210	10.0	30	30	0	0	0
11	Phan Đỗ Thanh Khải	12A12.11	121211	9.7	30	29	1	0	0
12	Lưu Quốc Khánh	12A12.12	121212	10.0	30	30	0	0	0
13	Nguyễn Lê Anh Kiệt	12A12.13	121213	9.7	30	29	1	0	0
14	Lê Thị Hoài Lam	12A12.14	121214	9.7	30	29	1	0	0
15	Lục Ý Linh	12A12.15	121215	10.0	30	30	0	0	0
16	Lê Tiết Thiên Lộc	12A12.16	121216	9.0	30	27	3	0	0
17	Phạm Minh Luân	12A12.17	121217	9.0	30	27	3	0	0
18	Vũ Thanh Thường Minh	12A12.18	121218	9.3	30	28	2	0	0
19	Nguyễn Bá Ngọc Nga	12A12.19	121219	8.7	30	26	3	0	1
20	Lê Nguyễn Kiều Ngân	12A12.20	121220	9.7	30	29	1	0	0
21	Nguyễn Trần Thanh Như Ngọc	12A12.21	121221	8.3	30	25	5	0	0
22	Lâm Minh Nguyệt	12A12.22	121222	7.7	30	23	7	0	0
23	Lại Lê Nhi	12A12.23	121223	7.3	30	22	8	0	0
24	Trần Thị Quỳnh Như	12A12.24	121224	10.0	30	30	0	0	0
25	Huỳnh Lê Hoàng Phúc	12A12.25	121225	10.0	30	30	0	0	0
26	Lê Hồng Phương	12A12.26	121226	8.7	30	26	4	0	0
27	Mai Thế Phương	12A12.27	121227	8.0	30	24	6	0	0
28	Trần Thảo Quyên	12A12.28	121228	9.0	30	27	3	0	0
29	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12A12.29	121229	9.7	30	29	1	0	0
30	Đào Thị Vân Thảo	12A12.30	121230	9.7	30	29	1	0	0
31	Võ Lữ Quốc Thắng	12A12.31	121231	8.7	30	26	4	0	0
32	Tổng Thế Thọ	12A12.32	121232	9.3	30	28	1	0	1
33	Phạm Ngọc Thanh Thuyền	12A12.33	121233	9.7	30	29	1	0	0
34	Trần Thị Anh Thư	12A12.34	121234	9.3	30	28	2	0	0
35	Huỳnh Thị Kim Trang	12A12.35	121235	9.3	30	28	2	0	0
36	Trần Hồ Thanh Trúc	12A12.36	121236	10.0	30	30	0	0	0
37	Trần Trang Tuấn	12A12.37	121237	10.0	30	30	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12A12.38	121238	9.0	30	27	2	0	1
39	Ngô Bạch Tuyết	12A12.39	121239	10.0	30	30	0	0	0
40	Đoàn Nguyễn Thu Vân	12A12.40	121240	9.0	30	27	3	0	0
41	Nguyễn Khả Vy	12A12.41	121241	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Minh Anh	12A13.01	121301	10.0	30	30	0	0	0
2	Nguyễn Trang Ngọc Diễm	12A13.02	121302	10.0	30	30	0	0	0
3	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12A13.03	121303	9.7	30	29	1	0	0
4	Chặc Chấn Cao Thùy Dương	12A13.04	121304	10.0	30	30	0	0	0
5	Võ Thiên Trang Đài	12A13.05	121305	10.0	30	30	0	0	0
6	Phạm Nguyễn Thị Hồng Gấm	12A13.06	121306	10.0	30	30	0	0	0
7	Trần Lê Thanh Hải	12A13.07	121307	9.0	30	27	2	0	1
8	Nguyễn Dương Nhật Anh Hào	12A13.08	121308	10.0	30	30	0	0	0
9	Trần Gia Hân	12A13.09	121309	10.0	30	30	0	0	0
10	Mai Thiên Hoàng	12A13.10	121310	9.0	30	27	2	0	1
11	Nguyễn Thị Tú Hồng	12A13.11	121311	10.0	30	30	0	0	0
12	Nguyễn Như Huệ	12A13.12	121312	9.7	30	29	1	0	0
13	Lê Trần Quốc Huy	12A13.13	121313	10.0	30	30	0	0	0
14	Trần Thị Thùy Linh	12A13.14	121314	9.7	30	29	1	0	0
15	Phạm Ngọc Trúc Linh	12A13.15	121315						
16	Nguyễn Thị Xuân Lộc	12A13.16	121316	10.0	30	30	0	0	0
17	Nguyễn Thanh Minh	12A13.17	121317	9.7	30	29	1	0	0
18	Nguyễn Huỳnh Nga	12A13.18	121318	10.0	30	30	0	0	0
19	Lê Kim Ngân	12A13.19	121319	10.0	30	30	0	0	0
20	Ngô Minh Nghĩa	12A13.20	121320	9.3	30	28	2	0	0
21	Trần Thanh Nhã	12A13.21	121321	8.0	30	24	5	0	1
22	Lưu Thị Quỳnh Nhi	12A13.22	121322	10.0	30	30	0	0	0
23	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12A13.23	121323	10.0	30	30	0	0	0
24	Phan Tố Như	12A13.24	121324	9.7	30	29	1	0	0
25	Chung Long Phát	12A13.25	121325	9.7	30	29	1	0	0
26	Trần Ngọc Y Phụng	12A13.26	121326	10.0	30	30	0	0	0
27	Nguyễn Trần Quốc Quang	12A13.27	121327	10.0	30	30	0	0	0
28	Tiết Gia Quý	12A13.28	121328	10.0	30	30	0	0	0
29	Nguyễn Thị Kim Quyên	12A13.29	121329	9.3	30	28	2	0	0
30	Phạm Minh Sang	12A13.30	121330	10.0	30	30	0	0	0
31	Lê Văn Anh Tài	12A13.31	121331	10.0	30	30	0	0	0
32	Trương Ngọc Nhã Thi	12A13.32	121332	10.0	30	30	0	0	0
33	Đoàn Thị Hương Thom	12A13.33	121333	10.0	30	30	0	0	0
34	Trần Lại Yến Thư	12A13.34	121334	10.0	30	30	0	0	0
35	Nguyễn Trần Trúc Thy	12A13.35	121335	10.0	30	30	0	0	0
36	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A13.36	121336	10.0	30	30	0	0	0
37	Lê Thị Nhã Trúc	12A13.37	121337	10.0	30	30	0	0	0
38	Lê Văn Anh Tuấn	12A13.38	121338	10.0	30	30	0	0	0
39	Đoàn Thị Thùy Vân	12A13.39	121339	10.0	30	30	0	0	0
40	Nguyễn Thúy Vy	12A13.40	121340	10.0	30	30	0	0	0
41	Nguyễn Phúc Toàn Vỹ	12A13.41	121341	9.7	30	29	1	0	0
42	Bùi Phan Quý Dương	12A13.42	121342	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Hồng Anh	12A14.01	121401	10.0	30	30	0	0	0
2	Nguyễn Trúc Anh	12A14.02	121402	10.0	30	30	0	0	0
3	Võ Ngọc Minh Châu	12A14.03	121403	10.0	30	30	0	0	0
4	Ngô Hoàng Phương Duy	12A14.04	121404	9.7	30	29	1	0	0
5	Huỳnh Thị Phước Duyên	12A14.05	121405	9.3	30	28	2	0	0
6	Phan Ngọc Phương Duyên	12A14.06	121406	10.0	30	30	0	0	0
7	Trần Ngọc Anh Đào	12A14.07	121407	10.0	30	30	0	0	0
8	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	12A14.08	121408	9.0	30	27	3	0	0
9	Võ Thị Mỹ Hân	12A14.09	121409	10.0	30	30	0	0	0
10	Đỗ Hồng Ngọc Hân	12A14.10	121410	9.3	30	28	2	0	0
11	Lại Trung Hậu	12A14.11	121411	10.0	30	30	0	0	0
12	Trương Minh Hưng	12A14.12	121412	10.0	30	30	0	0	0
13	Đinh Trần Anh Khoa	12A14.13	121413	9.3	30	28	2	0	0
14	Trần Trương Đăng Khoa	12A14.14	121414	9.7	30	29	0	0	1
15	Trần Hoàng Long	12A14.15	121415	10.0	30	30	0	0	0
16	Thạch Hà My	12A14.16	121416	10.0	30	30	0	0	0
17	Nguyễn Ngọc Ngà	12A14.17	121417	10.0	30	30	0	0	0
18	Trần Thảo Thanh Ngân	12A14.18	121418	9.7	30	29	1	0	0
19	Huỳnh Thiên Nghi	12A14.19	121419	10.0	30	30	0	0	0
20	Lê Phú Nghĩa	12A14.20	121420	9.0	30	27	3	0	0
21	Tào Quang Nhân	12A14.21	121421	7.3	30	22	6	0	2
22	Lại Thanh Nhi	12A14.22	121422	10.0	30	30	0	0	0
23	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12A14.23	121423	10.0	30	30	0	0	0
24	Trần Thị Tuyết Như	12A14.24	121424	10.0	30	30	0	0	0
25	Nguyễn Thành Đạt Phương	12A14.25	121425	8.0	30	24	6	0	0
26	Nguyễn Đặng Mai Quyên	12A14.26	121426	9.7	30	29	1	0	0
27	Huỳnh Ngọc Quyên	12A14.27	121427	10.0	30	30	0	0	0
28	Nguyễn Thị Ngọc Soàn	12A14.28	121428	8.0	30	24	6	0	0
29	Lê Quốc Thái	12A14.30	121430	8.0	30	24	6	0	0
30	Hồ Thị Thiên Thiên	12A14.31	121431	10.0	30	30	0	0	0
31	Trần Hoàng Thịnh	12A14.32	121432	9.0	30	27	3	0	0
32	Đặng Huỳnh Ngân Thu	12A14.33	121433	10.0	30	30	0	0	0
33	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12A14.34	121434	9.3	30	28	2	0	0
34	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12A14.35	121435	10.0	30	30	0	0	0
35	Phạm Thái Toàn	12A14.36	121436	9.7	30	29	1	0	0
36	Nguyễn Thùy Trang	12A14.37	121437	10.0	30	30	0	0	0
37	Bùi Huyền Trân	12A14.38	121438	10.0	30	30	0	0	0
38	Đoàn Thanh Tú	12A14.39	121439	10.0	30	30	0	0	0
39	Nguyễn Thị Thu Vàng	12A14.40	121440	9.3	30	28	2	0	0
40	Đoàn Võ Như Ý	12A14.41	121441	9.7	30	29	1	0	0
41	Đặng Hoàng Sơn	12A14.45	121445	10.0	30	30	0	0	0

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)**MÔN: GDQP-AN 12**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Điểm	Mã đề	Đúng	Sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Ngọc Lan Anh	12A15.01	121501	9.7	30	29	1	0	0
2	Hoàng Thị Quỳnh Anh	12A15.02	121502	9.7	30	29	1	0	0
3	Hồ Nguyễn Thảo Chi	12A15.03	121503	9.7	30	29	1	0	0
4	Nguyễn Nhật Duy	12A15.04	121504	10.0	30	30	0	0	0
5	Nguyễn Trường Duy	12A15.05	121505	10.0	30	30	0	0	0
6	Huỳnh Anh Đông	12A15.06	121506	9.7	30	29	1	0	0
7	Lê Thị Hằng	12A15.07	121507	9.0	30	27	3	0	0
8	Lê Mỹ Hiền	12A15.08	121508	9.7	30	29	1	0	0
9	Lê Nguyễn Bá Hoàng	12A15.09	121509	10.0	30	30	0	0	0
10	Võ Tấn Huy	12A15.10	121510	6.3	30	19	11	0	0
11	Phan Lê Quốc Khánh	12A15.11	121511	9.0	30	27	3	0	0
12	Lê Tuấn Kiệt	12A15.12	121512	10.0	30	30	0	0	0
13	Nguyễn Văn Cao Lang	12A15.13	121513	10.0	30	30	0	0	0
14	Châu Mỹ Linh	12A15.14	121514	10.0	30	30	0	0	0
15	Nguyễn Thị Thùy Linh	12A15.15	121515	10.0	30	30	0	0	0
16	Nguyễn Phi Long	12A15.16	121516	10.0	30	30	0	0	0
17	Lưu Ngọc Mỹ	12A15.17	121517	9.3	30	28	2	0	0
18	Nguyễn Hoài Nam	12A15.18	121518	10.0	30	30	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A15.19	121519	10.0	30	30	0	0	0
20	Đào Thị Thùy Ngân	12A15.20	121520	10.0	30	30	0	0	0
21	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12A15.21	121521	9.7	30	29	1	0	0
22	Phạm Phương Nhi	12A15.22	121522	10.0	30	30	0	0	0
23	Lê Nguyễn Uyên Nhi	12A15.23	121523	9.7	30	29	1	0	0
24	Nguyễn Thị Kiều Nhung	12A15.24	121524	9.3	30	28	2	0	0
25	Nguyễn Hoài Khánh Như	12A15.25	121525	9.7	30	29	1	0	0
26	Phạm Nguyễn Thy Phương	12A15.26	121526	9.3	30	28	2	0	0
27	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	12A15.27	121527	9.3	30	28	2	0	0
28	Nguyễn Tố Quyên	12A15.28	121528	9.3	30	28	2	0	0
29	Phạm Quang Sơn	12A15.29	121529	10.0	30	30	0	0	0
30	Nguyễn Kim Thanh	12A15.30	121530	9.7	30	29	1	0	0
31	Phan Hồ Thiện	12A15.31	121531	10.0	30	30	0	0	0
32	Nguyễn Văn Thoại	12A15.32	121532	9.7	30	29	1	0	0
33	Nguyễn Đoàn Ngọc Thu	12A15.33	121533	10.0	30	30	0	0	0
34	Huỳnh Mai Thanh Thúy	12A15.34	121534	10.0	30	30	0	0	0
35	Võ Ngọc Mai Trâm	12A15.35	121535	9.7	30	29	1	0	0
36	Võ Thị Ngọc Trân	12A15.36	121536	8.0	30	24	6	0	0
37	Mai Thị Ánh Tuyết	12A15.37	121537	9.0	30	27	3	0	0
38	Nguyễn Quốc Việt	12A15.38	121538	9.7	30	29	1	0	0
39	Trần Triệu Vy	12A15.39	121539	10.0	30	30	0	0	0
40	Đoàn Nguyễn Tường Vy	12A15.40	121540	10.0	30	30	0	0	0
41	Nguyễn Thị Kim Yến	12A15.41	121541	10.0	30	30	0	0	0
42	Lê Trung Hiếu	12A15.42	121542	9.3	30	28	2	0	0